

THANH HÓA ÁP DỤNG TỐT MỘT SỐ TIẾN BỘ KHOA HỌC—KỸ THUẬT TRONG CHĂN NUÔI VỊT

NGUYỄN THIÊN — BUI QUANG TIẾN

THANH Hóa là một trong những tỉnh sớm nhận thấy lợi ích của nghề chăn nuôi vịt.

Vịt là giống thủy cầm lớn rất nhanh. So từ lúc mới bóc trứng đến 60 ngày tuổi, vịt lớn gấp 40—45 lần. Vịt có khả năng tận dụng cao thức ăn thô xanh, thủy sinh, thóc rơi vãi khi mùa thu hoạch. Nó chịu được nóng ẩm, do đó ít bị bệnh tật. Nuôi vịt không cần chuồng trại như kiểu nuôi gà công nghiệp. Khả năng đẻ của vịt mái cũng khá: một năm một vịt mái đẻ từ 160—200 trứng. Nếu đem trứng để ấp lấy vịt con nuôi thịt, thì một vịt mái một năm cho từ 100—150kg vịt thịt.

Do nhận rõ lợi ích ấy, từ năm 1971, Thanh Hóa đã thành lập Công ty chăn nuôi vịt, và đến năm 1977 chuyển thành Công ty gia cầm.

Cũng như các tỉnh khác, trước đây Thanh Hóa nuôi vịt thường chỉ dựa vào thóc là chính, do vậy sản phẩm sản xuất ra hàng năm không ổn định và rất ít, thức ăn nuôi vịt phụ thuộc vào kết quả thu hoạch của mùa màng.

Từ năm 1976, nghề nuôi vịt ở Thanh Hóa đã được tổ chức lại; một số tiến bộ kỹ thuật của nghề chăn nuôi vịt được áp dụng rộng rãi và thu được kết quả tốt. Chỉ tính riêng năm 1978, tổng giá trị hàng hóa giao nộp cho Nhà nước của ngành chăn nuôi vịt của Thanh Hóa lên đến 2819 317 đồng, trong đó có trên 7 triệu quả trứng thương phẩm, 282 tấn thịt vịt, và 1 200 470 vịt con giống cung cấp cho các hợp tác xã và gia đình xã viên. Ở khu vực chăn nuôi vịt quốc doanh, bình quân mỗi cán bộ công nhân viên một năm đã sản xuất ra 5 479 đồng. Một công nhân trực tiếp nuôi vịt đã sản xuất được 6 416 đồng. Năm 1978, các hợp tác xã nuôi vịt đã giao cho Nhà nước 6 506 000 quả trứng và 408 808 kg vịt thịt.

Nguyên nhân chính của những kết quả đạt được kể trên là do Thanh Hóa đã mạnh dạn

áp dụng rộng rãi 6 tiến bộ khoa học—kỹ thuật chính trong nghề chăn nuôi vịt như sau:

1. Công tác giống là biện pháp mũi nhọn để tăng nhanh năng suất chăn nuôi.

Trước hết, Thanh Hóa tập trung cải tạo đàn vịt Cỏ bằng cách chọn lọc từ đàn vịt sẵn có trong tỉnh, hình thành đàn vịt giống chuyên nuôi lấy trứng; mở rộng và chọn lọc đàn vịt Bầu để làm nền lai kinh tế với vịt giống ngoại chăn thả lấy thịt. Để làm việc này, Thanh Hóa đã nuôi thuần hóa giống vịt nhập nội, nặng cân, nhưng chậm chạp, không chịu đi kiếm mồi, không chịu phối giống với các giống vịt địa phương.

Bằng cách chăn thả trên đồng ruộng, bãi sông, bãi biển, Thanh Hóa đã cải tạo dần được đặc tính đó, đã lai kinh tế thành công vịt giống ngoại và vịt Bầu. Vịt lai nuôi 80 ngày tuổi cho trọng lượng thịt 2kg, tăng gấp 2 lần so với vịt cỏ và 1,5 lần so với vịt bầu. Năm 1975, Thanh Hóa mới nuôi 1 250 vịt lai, đến năm 1978 đã nuôi 21 000 vịt lai. Năm 1979 có khả năng sản xuất 1,5—1,6 triệu vịt lai. Thanh Hóa đã thay đổi cơ cấu đàn vịt nuôi lấy thịt: trước đây 90% là giống vịt cỏ, đến nay 80% là vịt lai Ngoại x Bầu.

2. Mạnh dạn hiện đại hóa khâu ấp trứng vịt bằng cách dùng máy ấp trứng gà để ấp trứng vịt, kết hợp có sáng tạo giữa ấp máy với ấp thủ công theo kinh nghiệm cổ truyền.

Vịt là gia cầm đẻ trứng, nhưng việc ấp trứng lại bằng biện pháp nhân tạo. Vì vậy kỹ thuật ấp trứng là một khâu quan trọng để phát triển đàn vịt. Ở nước ta, kinh nghiệm ấp trứng vịt thủ công bằng thóc, trấu nóng v.v... đã đạt đến trình độ cao, nhưng những người làm tốt được việc này không

nhiều, và kết quả của nó cũng còn phụ thuộc vào yếu tố thời tiết.

Để mở rộng đàn vịt lai phục vụ sản xuất, cần hiện đại hóa khâu ấp. Từ bước đầu trang bị 3 máy ấp trứng gà ở huyện Đông Sơn để ấp thực nghiệm ba đợt liên, sau đó rút ra quy trình ấp trứng vịt. Kết quả thu được: tỷ lệ nở cao, vịt con khỏe mạnh. Tới nay Thanh Hóa đã trang bị 40 máy ấp cho các trạm ấp trong tỉnh, từ đó đã chủ động giải quyết phần lớn nhu cầu về vịt con giống. Nhưng vì số máy có hạn, nên không ấp hết số trứng theo kế hoạch, nhất là khi thời vụ vịt đẻ nhiều. Để giải quyết khó khăn này, tập thể cán bộ và công nhân kỹ thuật của công ty gia cầm đã vận dụng sáng tạo giữa việc ấp trứng bằng máy ở giai đoạn đầu và ấp trứng bằng phương pháp thủ công ở giai đoạn sau, do đó đưa năng suất máy tăng lên 1,7 lần, nhờ vậy đã cung cấp đủ và kịp thời giống vịt con cho các liên doanh chăn nuôi vịt.

3. Cải tiến phương thức nuôi vịt bằng thóc, thay thế bằng thức ăn thô xanh, củ, quả.

Do nuôi vịt chỉ bằng thóc, nên năm 1973 đàn vịt giảm sút nghiêm trọng vì thiếu lương thực. Đứng trước khó khăn này, Công ty gia cầm Thanh Hóa quyết định tiến hành khảo nghiệm các loại thức ăn thay thế thóc và giảm thóc bằng hoa màu, rau xanh, các nguồn thức ăn thiên nhiên như don dất ở bãi sông, bãi biển để nuôi vịt.

Để sử dụng được thức ăn thô xanh, củ, quả, Thanh Hóa đã chú ý trang bị công cụ băm thái, nghiền trộn thích hợp để tạo thành một loại thức ăn hỗn hợp cho các loại vịt. Kết quả, thức ăn cho vịt đã thay được 20% thóc, vịt nuôi lấy thịt thay được 30%; khi vịt không cho đẻ, chỉ nuôi duy trì, đã thay thế được 50% thóc. Thành công này mở ra triển vọng tốt để chủ động giải quyết thức ăn cho đàn vịt của tỉnh.

Do giải quyết được thức ăn, nên đàn vịt trong hai năm 1976 - 1977, mặc dù lương thực khó khăn nhưng vẫn được giữ vững. Năm 1978 - 1979 đàn vịt phát triển bình thường cả về số lượng và chất lượng. Sản lượng trứng được nâng cao, bình quân một vịt đẻ tăng 6 - 11 quả trứng.

4. Tổ chức tốt liên doanh nghề nuôi vịt ở hợp tác xã theo hướng chuyên môn hóa và liên hợp hóa ở địa bàn cấp huyện.

Trước kia nghề chăn nuôi vịt ở Thanh Hóa đều do từng hợp tác xã nông nghiệp quản lý. Nó là một nghề phụ để tăng thêm một phần nhỏ thu nhập của xã viên.



Cán bộ kỹ thuật Công ty gia cầm Thanh Hóa kiểm tra trứng vịt trước khi đưa vào lò ấp.

Ảnh: PHÙNG TRIỆU
(TTXVN)

Do tính chất quản lý không chuyên môn hóa thành ngành kinh doanh độc lập, nên số lượng đàn vịt hoàn toàn phụ thuộc vào số thóc trích ra để chăn nuôi. Sản phẩm sản xuất ra quá ít, việc sử dụng tùy tiện, vịt và trứng giao cho Nhà nước được ít xã viên không được chia hoặc được chia rất ít sản phẩm do vịt sản xuất ra. Việc chăn thả không có quy hoạch, nên đã ảnh hưởng xấu tới cây lúa và hoa màu. Kết quả đàn vịt không tăng mà có chiều hướng giảm.

Để giải quyết tình trạng này, năm 1977 Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã cho phép Công ty gia cầm tiến hành tổ chức thí điểm một số liên doanh nuôi vịt ở huyện Nông Cống. Sau một năm rút kinh nghiệm, các liên doanh được mở ra toàn

huyện Nông Cống và các huyện khác trong tỉnh. Riêng huyện Nông Cống có 8 liên doanh nuôi vịt, mỗi liên doanh gồm 3 hợp tác xã, góp vịt, vốn, lương thực và nhân lực, đồng thời cử ra « Ban quản trị liên doanh » chuyên môn hóa việc quản lý nghề nuôi vịt thành ngành độc lập. Trên huyện có trạm ấp để phân phối vịt con giống, giúp các liên doanh về kỹ thuật và thu mua sản phẩm. Nhờ vậy một hệ thống tổ chức liên hoàn về nghề nuôi vịt từ tỉnh, huyện xuống các liên doanh hợp tác xã được hình thành.

Chính nhờ có tổ chức chuyên môn hóa, nên những tiến bộ khoa học - kỹ thuật của nghề chăn nuôi vịt được dễ dàng áp dụng và đưa lại hiệu quả kinh tế thực sự. Năm 1977, năm đầu thí điểm, Liên doanh Thắng Lợi (Nông Cống) đã có giá trị ngày công cao (7 đồng/1 công lao động), sản phẩm giao cho Nhà nước tăng hơn trước 50%, sản phẩm chia cho xã viên tăng gấp 2 lần so với trước khi chưa có liên doanh.

5. Định mức lao động và quản lý kinh tế, kỹ thuật chặt chẽ.

Đề ngành kinh doanh chuyên môn hóa phát huy được tác dụng; Công ty gia cầm Thanh Hóa đã xây dựng các định mức và khoán định mức kinh tế - kỹ thuật cho tất cả công nhân trực tiếp và gián tiếp sản xuất ở một cơ sở thuộc huyện Hoằng Hóa. Thí dụ: chăn nuôi vịt đẻ có 18 định mức; vịt thịt 12 định mức; ấp trứng 8 định mức; chế biến thức ăn 15 định mức. Ở các liên doanh hợp tác xã nuôi vịt, các mức khoán rất cụ thể về chi phí giao nộp sản phẩm có thưởng, phạt rõ ràng. Nhờ đó hàng năm sản phẩm đều tăng, giá thành hạ. Sau đây là kết quả của liên doanh chăn nuôi vịt bầu :

Năm	Bình quân số trứng 1 vịt đẻ/năm (quả)	Sản phẩm trứng làm ra của 1 công nhân (quả/năm)	Tiền lương bình quân 1 công nhân/tháng (đồng)	Giá thành 1 quả trứng (đồng)
1975	82	14 400	87	0,06
1976	87	19 140	110	0,057
1977	96	23 040	124	0,054
1978	105	26 250	134	0,050

6. Công tác thú y trong nghề chăn nuôi vịt của Thanh Hóa có nhiều tiến bộ: đàn vịt trong tỉnh thường xuyên được tiêm vắc xin phòng dịch tả vịt; trứng đưa vào ấp được sát trùng theo đúng quy trình thú y

vịt con mới bóc vỏ được chọn lọc kỹ... vì thế trong nhiều năm, đàn vịt Thanh Hóa được an toàn về dịch bệnh. Để làm được việc này, các cơ sở nuôi vịt tập trung của Thanh Hóa đều có tủ hoặc túi thuốc thú y, việc bảo quản và phân phối vắc xin làm khá tốt từ tỉnh tới cơ sở.

Do áp dụng sáu tiến bộ khoa học - kỹ thuật chính đã nêu trên, nên nghề chăn nuôi vịt ở Thanh Hóa đã thu được một số kết quả thiết thực nêu trên. Tuy vậy, nghề chăn nuôi vịt ở Thanh Hóa cũng còn một số tồn tại cần khắc phục như sau :

1) Về giống vịt : Thanh Hóa đã biết sử dụng ưu thế lai trong việc lai kinh tế vịt thịt, nhưng biện pháp chọn lọc đàn vịt giống chưa tốt. Hiện tượng vịt đẻ bố đập vịt cái con, vịt đẻ con đập vịt mẹ, vịt cùng một mẹ sinh ra đập lẫn nhau vẫn còn. Như vậy tình trạng đồng huyết, cận thân trong đàn vịt giống ngoại vịt Bầu không sao tránh khỏi, do đó, sẽ làm giảm hiệu quả của ưu thế lai.

Để làm « tươi máu » vịt giống ngoại, Thanh Hóa đã cho vịt giống ngoại giao phối với vịt thung lũng Anh Đào. Còn ở đàn vịt Bầu, vịt Cỏ thì nhanh chóng chọn lọc lại và có quy hoạch về nhân giống thuần để nâng cao chất lượng con giống.

2) Việc cơ giới hóa trong khâu ấp trứng, việc chế biến thức ăn; chế biến sản phẩm (thịt, trứng, lông...) ; việc vận chuyển vịt v.v...chưa đồng bộ.

Tuy đã có 40 máy ấp trứng nhưng vẫn chưa đủ vịt con giống để cung cấp cho các liên doanh. Đã thế, việc cung cấp điện cho các trạm ấp không thường xuyên, liên tục, do đó mỗi kỳ mất điện, đã gây nên một số tổn thất nhất định. Công cụ chế biến thức ăn chưa được trang bị đến từng liên doanh hợp tác xã, do vậy việc chế biến thức ăn hỗn hợp rất hạn chế. Đến mùa thu hoạch vịt thịt, cơ sở chế biến, bảo quản tại chỗ không có, Nhà nước không thu mua vận chuyển kịp, nên phải bán rẻ, bán chạy, sinh ra lãng phí. Lông vịt là nguồn xuất khẩu có giá trị kinh tế cao nhưng chưa được tận thu.

3) Tổ chức liên doanh nuôi vịt giữa các hợp tác xã là một hình thức tổ chức tốt, đã mang lại hiệu quả kinh tế nhưng chưa hoàn thiện, tính chất ưu việt của nó chưa được phát huy đúng mức.

Thực tế hiện nay năng suất lúa và giá trị ngày công ở mỗi hợp tác xã không đồng đều. Việc thu nhập của những xã viên ở các liên doanh nuôi vịt được trả công điểm theo hình thức « mua công điểm » của hợp tác xã nông nghiệp mà gia đình mình ở. Từ đó nảy ra

(Xem tiếp trang 18)

gang cầu, gang rèn, gang sơ mi séc măng; các loại hợp kim đồng nhôm chì-ma sát, chịu đàn hồi, chịu nhiệt cao.

5. Thiết kế và chế tạo thiết bị nhiệt luyện.

Thiết bị nhiệt luyện của ta phần lớn nhập từ các nước anh em. Việc nhập thiết bị lò nung gồm các cấu kiện có trọng tải lớn, gây tốn kém về vận chuyển, đa số là những thiết bị lẻ, thiếu đồng bộ. Yêu cầu hiện nay về thiết bị nhiệt luyện của các nhà máy cơ khí trung ương và địa phương là rất lớn. Để đáp ứng yêu cầu đó cần nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị nhiệt luyện ở trong nước. Trước hết là những loại thiết bị đơn giản như lò nung vôi có công suất 20—45 KVA, lò muối, dần dần tiến lên làm các loại lò ram, lò thấm cacbon thể khí, lò nung cao tần, trung tần. Đối với cơ khí địa phương trước mắt có thể thiết kế chế tạo các loại lò thủ công như lò phản xạ, lò muối đốt than để tiến hành được các quá trình tôi, ủ, thường hóa... Cần nghiên cứu cải tiến các loại lò nung hiện nay, tăng mức độ cơ khí hóa, đưa khí bảo vệ vào lò. Trong các xí nghiệp mới các nước giúp xây dựng sẽ có thiết bị nhiệt luyện tự động hóa cao. Chúng ta cần có sự tìm hiểu đầy đủ về thiết bị và công nghệ của các dây truyền tự động nhiệt luyện.

III. NHỮNG BIỆN PHÁP

1. Hiện nay các cơ sở nghiên cứu về nhiệt

luyện đang được hình thành. Cần tăng cường về người và thiết bị nhằm xây dựng hoàn chỉnh các cơ sở nghiên cứu về nhiệt luyện hiện có tại Viện nghiên cứu công nghệ, Trường đại học bách khoa Hà Nội, Viện thiết kế máy công nghiệp. Song song với quá trình nghiên cứu dần dần tạo nên các phòng thí nghiệm kim loại học, nhiệt luyện và hóa nhiệt luyện, phòng thí nghiệm ứng dụng nung tần số, phòng thí nghiệm về vật liệu...

2. Để bảo đảm tốt cho việc nghiên cứu các quy trình công nghệ nhiệt luyện cần xây dựng các trung tâm hiệu chỉnh và sửa chữa đồng hồ đo nhiệt độ ở các vùng công nghiệp cơ khí như Hà Nội, Bắc Thái, Quảng Nam—Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Cần đẩy mạnh việc kết hợp giữa các cơ sở nghiên cứu về nhiệt luyện. Việc kết hợp này cho phép tận dụng khả năng của các cán bộ nghiên cứu và trang thiết bị thí nghiệm, đồng thời cho phép tiến hành nghiên cứu những vấn đề có quy mô lớn hơn.

4. Cần xây dựng tiêu chuẩn các nguyên nhiên vật liệu dùng trong nhiệt luyện. Cần có một trung tâm nghiên cứu thiết kế về chế tạo thiết bị nhiệt luyện, để nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới, giải quyết những khó khăn, tồn tại của các cơ sở sản xuất. Trong khi chưa có trung tâm này cần tăng cường về nhân lực và trang thiết bị cho bộ phận nhiệt luyện của Viện nghiên cứu công nghệ.

Thanh Hóa áp dụng tốt một số tiến bộ...

(Tiếp theo trang 9)

mâu thuẫn: người ở liên doanh nuôi vịt có giá trị ngày công cao, nhưng gia đình ở hợp tác xã nông nghiệp có giá trị ngày công thấp, nên giá trị ngày công của người nuôi vịt cũng thấp.

Việc tổ chức ăn, ở và làm việc của người xã viên chuyên nuôi vịt chưa được quan tâm thích đáng, nên chưa khuyến khích người trực tiếp chăn nuôi vịt.

Những tồn tại trên, Công ty gia cầm Thanh Hóa đã thấy rõ và đang khắc phục, nhằm đưa nghề chăn nuôi vịt của mình phát triển ngày một tốt hơn, để năm 1979, Thanh Hóa sẽ phấn đấu có được 250.000 vịt giống gốc; 1,6 triệu vịt lai nuôi lấy thịt, sản xuất được 28 triệu quả trứng và 2.000 tấn thịt vịt.

Để có sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, góp phần đưa nghề chăn nuôi vịt của Thanh Hóa tiến nhanh, tiến mạnh tiến

vững chắc nhằm đạt được mục tiêu của Chương trình tiến bộ khoa học—kỹ thuật, về gia cầm đã đề ra, chúng tôi đề nghị:

1) Các cơ quan khoa học—kỹ thuật hoặc chuyên môn như Viện chăn nuôi, Viện thú y, Công ty gia cầm trung ương, các trường đại học nông nghiệp v.v...cùng với Thanh Hóa nghiên cứu, chọn lọc đàn vịt giống gốc để sử dụng cao nhất ưu thế lai trong nghề nuôi vịt, đồng thời có kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho vịt.

2) Các cơ quan chức năng quản lý vật tư, tiền vốn, cần đầu tư trang bị cho Thanh Hóa đồng bộ: đủ máy ấp, máy phát điện, máy chế biến thức ăn, kho ướp lạnh, trạm sơ chế lông vũ và ô tô vận chuyển chuyên dùng chở trứng và vịt.

3) Đề nghị Viện kinh tế nông nghiệp, Ban hợp tác hóa nông nghiệp trung ương nghiên cứu giúp Thanh Hóa tổ chức tốt hơn nữa hình thức liên doanh nuôi vịt của hợp tác xã trên địa bàn huyện.